TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 28/4/2026.
V/v tranh chấp xin ly hôn và nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - AN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Ông Lê Thanh Toàn**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Nguyễn Tấn Để**

Bà Phạm Thanh Tuyền

***- Thư ký phiên tòa*: Ông Cao Vũ Linh –** Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - An Giang tham gia phiên tòa: **Ông Nguyễn Văn Toàn** – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 70/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2025, về việc "*Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17 tháng 3 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 112/2026/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Chị Võ Thị Mỹ E**, sinh ngày 04/5/2004 *(Có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt)*

Căn cước công dân số 091304013278 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 14/8/2021

Địa chỉ: ấp H, xã V, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* **Anh Nguyễn Đăng K**, sinh ngày 09/8/2004 *(Vắng mặt)*

Căn cước công dân số 091204011419 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 13/8/2021

Địa chỉ: ấp C, xã A, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 10 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Võ Thị Mỹ E trình bày: Sau quá trình tìm hiểu, yêu

thương nhau, chị Võ Thị Mỹ E và anh Nguyễn Đăng K tự nguyện về chung sống vợ chồng, hai bên có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện A, tỉnh Kiên Giang vào ngày 05/02/2025. Trong quá trình chung sống, chị Mỹ E và anh K thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng về suy nghĩ và lối sống. Anh K sống không có trách nhiệm đối với vợ con, không quan tâm, chăm sóc vợ và con, ngoài ra anh còn ham mê thú vui riêng của mình. Dù chị Mỹ E thường xuyên nhắc nhỡ, khuyên can nhưng anh vẫn không thay đổi tính tình, từ đó tình cảm vợ chồng phai nhạt và hiện tại tình cảm chị giành cho anh K đã không còn gì, đời sống chung không hạnh phúc.

Về con chung: Chị Mỹ E và anh K có một người con chung là cháu Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 14/9/2024. Chị Mỹ E yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu N đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Mỹ E và anh K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho bị đơn anh Nguyễn Đăng K nhưng anh K đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – An Giang phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về trình tự thủ tục giải quyết vụ án. Riêng anh Nguyễn Đăng K vi phạm các Điều 70 và 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về nội dung vụ án thì xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về sự vắng mặt của đương sự:

Anh Nguyễn Đăng K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

Nguyên đơn chị Võ Thị Mỹ E vắng mặt nhưng có đơn xin giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Mỹ E và anh Nguyễn Đăng K tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn, đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện A, tỉnh Kiên Giang vào ngày 05/02/2025. Căn cứ vào Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình xác nhận hôn nhân giữa chị Mỹ E và anh K là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Mỹ E giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn với anh Nguyễn Đăng K, do bất đồng quan điểm trong đời sống chung giữa vợ và chồng, đời sống chung không phù hợp, từ đó ảnh hưởng đến tình cảm chung của vợ chồng. Do trong cuộc sống, anh K không làm tròn trách nhiệm của người chồng, người cha, không chăm lo cuộc sống cho vợ con. Ngoài ra anh còn thường xuyên tham gia chơi game và nghiện hút chích. Chị Mỹ E nhiều lần khuyên can nhưng anh K vẫn không thay đổi, từ đó tình cảm vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn và hiện nay mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ anh K để ghi nhận ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của chị Mỹ E nhưng anh K đều vắng mặt, qua đó thể hiện anh K đã không có nguyện vọng khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng giữa anh và chị Mỹ E.

Từ những cơ sở nhận định trên, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Võ Thị Mỹ E được ly hôn với anh Nguyễn Đăng K như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng, chị Mỹ E và anh K có có 01 người con chung là cháu Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 14/9/2024, hiện chị Mỹ E đang trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Mỹ E yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy, để tạo mọi điều kiện tốt nhất cho con chung của chị Mỹ E và anh K được phát triển toàn diện về thể chất lẫn tinh thần, đảm bảo quyền và lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên nên cần tiếp tục giao cháu N cho chị Mỹ E được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi

trưởng thành như phát biểu của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Chị Mỹ E không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Căn cứ các Điều 58; 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Võ Thị Mỹ E và anh Nguyễn Đăng K xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

[3] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc chị Võ Thị Mỹ E phải chịu án phí sơ thẩm xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Võ Thị Mỹ E được ly hôn với anh Nguyễn Đăng K.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 14/9/2024 cho chị Mỹ E tiếp tục được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Chị Mỹ E không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Đăng K có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung và không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị Võ Thị Mỹ E không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Võ Thị Mỹ E phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004836 ngày 16/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Như vậy chị Mỹ E đã nộp xong.

6. Về quyền kháng cáo:

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Trường hợp bản án, quyết định thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND Khu vực 7;
- Phòng THADS Khu vực 7;
- UBND xã An Biên, ỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Toàn